TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST
Ngày 28- 02 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vũ Bằng
2. Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1951 (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấ, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2020, biên bản hòa giải ngày 05/02/2020, nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày:

Bà làm chủ hụi có mở các dây hụi, cụ thể:

1/ Vào ngày 02/9/2015al, bà có mở 02 dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi này có 35 chưng, mỗi tháng khui 01 lần.

+ Dây thứ nhất: Ông D và bà V tham gia 02 chưng. Hốt chưng thứ nhất vào tháng 5/2016, đóng được 9 kỳ, phải đóng hụi chết 26 kỳ =26.000.000 đồng. Còn 01 chưng sống đóng được 27 kỳ thì ngưng đóng, tính hụi chết =27.000.000đ. Đối trừ bà còn nợ lại 1.000.000 đồng.

+ Dây thứ 2: Ông D và bà V tham gia 02 chưng. Hốt chưng thứ nhất vào tháng 5/2016, đóng được 9 kỳ, phải đóng hụi chết 26 kỳ =26.000.000 đồng. Hốt

chưng thứ 2 vào tháng 01/2017, đóng được 17 kỳ, phải đóng hụi chết 18 kỳ = 18.000.000 đồng. Tổng cộng 02 chưng còn nợ lại =44.000.000 đồng.

2/ Vào ngày 09/6/2016al, bà có mở 02 dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi này có 32 chưng, mỗi tháng khui 01 lần.

+ Dây thứ 1: Ông D và bà V tham gia 01 chưng. Hốt vào tháng 10/2016, đóng được 5 kỳ, phải đóng hụi chết 27 kỳ =27.000.000 đồng.

+ Dây thứ 2: Ông D và bà V tham gia 01 chưng. Hốt vào tháng 7/2017, đóng được 15 kỳ, phải đóng hụi chết 17 kỳ =17.000.000 đồng.

3/ Vào ngày 19/9/2016al, bà có mở 02 dây hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, hụi này có 27 chưng, mỗi tháng khui 01 lần.

+ Dây thứ 1: Ông D và bà V tham gia 02 chưng. Hốt chưng thứ nhất vào tháng 4/2017, đóng được 8 kỳ, phải đóng hụi chết 19 kỳ =19.000.000 đồng. Hốt chưng thứ 2 vào tháng 8/2017, đóng được 13 kỳ, phải đóng hụi chết 14 kỳ = 14.000.000 đồng. Tổng cộng 02 chưng còn nợ lại =33.000.000 đồng.

+ Dây thứ 2: Ông D và bà V tham gia 02 chưng. Hốt chưng thứ nhất vào tháng 02/2017, đóng được 6 kỳ, phải đóng hụi chết 21 kỳ =21.000.000 đồng. Hốt chưng thứ 2 vào tháng 8/2017, đóng được 13 kỳ, phải đóng hụi chết 14 kỳ = 14.000.000 đồng. Tổng cộng 02 chưng còn nợ lại =35.000.000 đồng.

Tổng cộng các dây hụi ông D và bà V nợ 156.000.000 đ-1.000.000 đ =155.000.000 đồng. Ông D và bà V đã đóng được 100.000.000 đồng, số tiền còn lại 55.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông D và bà V có nghĩa vụ trả cho bà 55.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/02/2019, bị đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V cùng trình bày: Ông, bà thống nhất trình bày của nguyên đơn về thời gian chơi hụi, hốt hụi và đóng hụi chết của các dây hụi nêu trên. Ông, bà thừa nhận còn thiếu lại bà N tổng cộng 55.000.000 đồng và đồng ý trả.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 05/02/2020, ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V đã thỏa thuận được với bà Lâm Thị N trả số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng nhưng chỉ có bà Lâm Thị N, ông Trần Văn D ký tên vào trong biên bản. Bà Nguyễn Thị V không ký tên cũng không nói lý do về việc không ký tên.

Tại phiên tòa, bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu ông D và bà V trả cho bà 53.000.000 đồng. Do trong quá trình giải quyết vụ án ông D và bà V có trả cho bà được 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Do bị đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V có nơi cư trú tại ấp 10B, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền hụi, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xét xử vắng mặt ông D và bà V.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo bà N trình bày, bà làm chủ hụi có mở 03 dây hụi vào các ngày 02/9/2015al, 09/6/2016al và ngày 19/9/2016al những dây hụi này loại 1.000.000 đồng, 01 tháng khi một lần, ông D và bà V đã tham gia và đã hốt hết, hụi này đã mãn. Đối trừ với số tiền đóng hụi chết thì ông D và bà V còn nợ lại bà số tiền 55.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành cùng ngày 05/02/2020, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các đương sự đồng ý ký tên nhưng bà V không ký tên. Lý do, bà V không nêu lý do.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, Bà N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà V trả cho bà số tiền nợ hụi 53.000.000 đồng. Do trong quá trình giải quyết vụ án ông D và bà V đã trả cho bà được 2.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà N có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi viên của 03 dây hụi mà ông D và bà V có tham gia.

Xét, sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trả số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng và đã đồng ý ký tên trong biên bản, chỉ có bà V không ký tên, cũng không nêu lý do. Do đó, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như lời thừa nhận của bị đơn là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền buộc trả cho nguyên đơn; bà Lâm Thị N được miễn toàn bộ án phí theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 166 và Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị N.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V trả cho bà Lâm Thị N số tiền 53.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Lâm Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Văn D bà Nguyễn Thị V không thi hành xong khoản tiền trên, ông Trần Văn D bà Nguyễn Thị V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị V nộp số tiền 2.650.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*); Bà Lâm Thị N được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Chí Công